

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-HCC

A Lưới, ngày tháng 6 năm 2024

Về việc công bố Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện 06 tháng đầu năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục Thuế;
- Công an huyện, Bảo hiểm Xã hội huyện;
- Trung tâm Hành chính công huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Công văn số 650/VPUB-HCC ngày 13/6/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp;

Căn cứ kết quả thống kê trên Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) tại mục “**Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương**”:

Ủy ban nhân dân huyện công bố kết quả Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của huyện A Lưới như sau:

Tổng số điểm UBND huyện A Lưới đạt: 64,78/100 điểm (điểm toàn tỉnh là 67,83/100 điểm (Số liệu tại thời điểm 19/6/2024) (Phụ lục chi tiết đơn vị kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện công bố kết quả đánh giá đến các cơ quan, đơn vị, địa phương biết để phát huy những điểm tốt và khắc phục những tiêu chí đạt tỷ lệ thấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I
KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm Công văn số /UBND-HCC ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

STT	Nội dung	Điểm của huyện	Điểm của tỉnh
I	Chỉ số tổng hợp của UBND huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	64,78/100	67,28/100
II	Các chỉ số thành phần		
1	Chỉ số công khai, minh bạch	16,8/18	12,4/18
2	Chỉ số tiến độ, giải quyết	17,3/20	18,0/20
3	Chỉ số dịch vụ công trực tuyến	2,8/12	5,6/12
4	Chỉ số thanh toán trực tuyến	2,6/10	3,2/10
5	Chỉ số mức độ hài lòng	13,03/18	17,4/18
5.1	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị: 100%		
5.2	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính: 100%		
5.3	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn: 100%		
6	Chỉ số số hóa hồ sơ	7,7/22	10,4/22
6.1	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 23.09%		
6.2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 19.69%		
6.3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 0 hồ sơ		
6.4	Số lượng tài khoản Cổng Dịch vụ công quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 938.405		
6.5	Số liệu cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính: 19		

Phụ lục II
KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

*(Kèm Công văn số /UBND-HCC ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)*

STT	Chỉ số tổng hợp của UBND các xã, thị trấn	Điểm	Ghi chú
1	UBND xã Trung Sơn	75,31/100	
2	UBND xã Quảng Nhâm	70,64/100	
3	UBND xã Sơn Thủy	69,83/100	
4	UBND thị trấn A Lưới	68,25/100	
5	UBND xã A Ngo	65,46/100	
6	UBND xã Hồng Thượng	65,06/100	
7	UBND xã A Roàng	64,12/100	
8	UBND xã Hồng Vân	63,44/100	
9	UBND xã Phú Vinh	63,06/100	
10	UBND xã Đông Sơn	61/100	
11	UBND xã Hương Nguyên	60,99/100	
12	UBND xã Hồng Thái	60,3/100	
13	UBND xã Hồng Bắc	60,17/100	
14	UBND xã Hương Phong	57,91/100	
15	UBND xã Hồng Kim	56,85/100	
16	UBND xã Hồng Thủy	54,98/100	
17	UBND xã Hồng Hạ	46,44/100	
18	UBND xã Lâm Đót	30,09/100	

Phụ lục III
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ BẢN SAO
TỪ BẢN CHÍNH TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm Công văn số /UBND-HCC ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

STT	Đơn vị	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ hoàn thành
1	UBND thị trấn A Lưới	x	303
2	UBND xã Hồng Thượng	x	136
3	UBND xã Hương Nguyên	x	119
4	UBND xã Quảng Nhâm	x	76
5	UBND xã Trung Sơn	x	45
6	UBND xã Hồng Thủy	x	40
7	UBND xã Hồng Bắc	x	38
8	UBND xã Sơn Thủy	x	36
9	UBND xã Hồng Hạ	x	33
10	UBND xã A Ngo	x	27
11	UBND xã Hồng Vân	x	17
12	UBND xã Hồng Thái	x	14
13	UBND xã A Roàng	x	13
14	UBND xã Hồng Kim	x	11
15	UBND xã Hương Phong	x	10
16	UBND xã Đông Sơn	x	3
17	UBND xã Lâm Đót	x	2
18	UBND xã Phú Vinh	x	1

Phụ lục IV
KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm Công văn số /UBND-HCC ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

ST T	Tên đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (%)	Ghi chú
1	UBND xã Quảng Nhâm	000.55.30.H57	0	100,0	99,2	
2	UBND xã Hương Phong	000.67.30.H57	0	100,0	14,3	
3	UBND xã Đông Sơn	000.63.30.H57	0	100,0	0	
4	UBND xã Hồng Kim	000.58.30.H57		99,73	1,6	
5	UBND thị trấn A Lưới	000.51.30.H57	22	98,35	20,0	
6	UBND xã Hồng Thượng	000.62.30.H57	17	97,5	18,1	
7	UBND xã Sơn Thủy	000.70.30.H57	4	97,13	31,9	
8	UBND xã Phú Vinh	000.69.30.H57	1	96,88	53,1	
9	UBND xã A Ngo	000.52.30.H57	12	96,32	20,9	
10	UBND xã Hồng Thái	000.61.30.H57	9	96,06	2,8	
11	UBND xã Hồng Bắc	000.56.30.H57	10	92,2	12,8	
12	UBND xã Trung Sơn	000.63.30.H57		91,49	83,0	
13	UBND xã A Roàng	000.53.30.H57	6	90,6	17,5	
14	UBND xã Hồng Hạ	000.57.30.H57	47	84,98	11,1	
15	UBND xã Hương Nguyên	000.66.30.H57	10	79,28	4,1	
16	UBND xã Hồng Thủy	000.63.30.H57	18	78,05	4,5	
17	UBND xã Hồng Vân	000.65.30.H57		96,39	3,6	
18	UBND xã Lâm Đót	000.63.30.H57		0	0	

Phụ lục V

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo Công văn số /UBND-HCC ngày tháng 6 năm 2024 của UBND huyện A Lưới)

(Số liệu thống kê từ 01/01/2024 đến 15/6/2024)

STT	Lĩnh vực	Cơ quan chuyên môn tham mưu	Tổng số	Hồ sơ đang giải quyết			Hồ sơ đã giải quyết		
				Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn
	Tổng cộng		2627	348	330	18	2279	2192	87
1	An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	Văn phòng (Y tế)	4	0	0	0	4	4	0
2	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động – TB và XH	373	38	38	0	335	334	1
3	Chứng thực	Phòng Tư pháp	373	0	0	0	373	373	0
4	Dân tộc	Phòng Dân tộc	4	1	1	0	3	3	0
5	Đất đai	Chi nhánh Văn phòng ĐK đất đai; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi cục Thuế	1160	255	242	13	905	840	65
6	Đầu tư xây dựng	Phòng Tài chính – Kế hoạch	31	0	0	0	31	30	1

7	Giao dịch bảo đảm	Chi nhánh Văn phòng ĐK đất đai	269	0	0	0	269	263	6
8	Hộ tịch	Phòng Tư pháp	12	0	0	0	12	12	0
9	Hoạt động xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	50	4	4	0	46	42	4
10	Khuyến nông	Phòng Nông nghiệp và PTTNT	1	0	0	0	1	1	0
11	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm Lâm	4	0	0	0	4	3	1
12	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Phòng Giáo dục và Đào tạo	18	0	0	0	18	18	0
13	Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ		6	0	0	0	6	6	0
14	Môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4	2	2	0	2	2	0
15	Người có công	Phòng Lao động – TB và XH	26	0	0	0	26	26	0
16	Phát triển nông thôn	Phòng Nông nghiệp và PTTNT	49	15	14	1	34	29	5
17	Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	3	0	0	0	3	3	0

18	Quản lý ngân sách	Phòng Tài chính – Kế hoạch	8	0	0	0	8	8	0
19	Quản lý tài sản công		1	0	0	0	1	1	0
20	Quy hoạch		2	1	1	0	1	1	0
21	Tài chính đầu tư		13	5	5	0	8	7	1
22	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh		36	0	0	0	36	35	1
23	Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã	1	0	0	0	1	1	0	
24	Thi đua - Khen thưởng	Phòng Nội vụ	15	2	2	0	13	12	1
25	Thủy lợi	Phòng Nông nghiệp và PTTNT	4	0	0	0	4	4	0
26	Thủy sản		2	0	0	0	2	2	0
27	Tổ chức phi chính phủ	Phòng Nội vụ	1	0	0	0	1	1	0
28	TTHC liên thông Đăng ký Hộ kinh doanh, HTX và Đăng ký mã số thuế	Phòng Tài chính – Kế hoạch	43	4	4	0	39	39	0
29	TTHC liên thông lĩnh vực Người có công	Phòng Lao động – TB và XH	113	21	17	4	92	91	1

30	Viễn thông	Phòng Văn hóa – Thông tin	1	0	0	0	1	1	0
----	------------	---------------------------	---	---	---	---	---	---	---

*** Ghi chú:**

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương tham mưu, giải quyết số lượng hồ sơ ở trạng thái đang giải quyết và đã quá hạn, gồm: Lĩnh vực Đất đai, Phát triển nông thôn và TTHC liên thông lĩnh vực Người có công.
- Các lĩnh vực có tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết nhưng quá hạn cao, đề nghị trong 06 tháng cuối năm đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ để nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn của cả năm 2024./.